TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/DS-PT
Ngày: 14/3/2023
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản và
Tranh chấp đòi tài sản, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh
Các thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang
Ông Mai Tiến Dũng
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội*:** Bà Ngô Phương Liên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 489/2022/TLPT-DS ngày 14/11/2022 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản; đòi tài sản; chia tài sản chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2023/QĐ-PT ngày 16/2/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/QĐPT-HPT ngày 07/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Nhung, sinh năm 1960.
Trú tại: Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:
- Luật sư Lê Tiến Quân, Trọng Thị Thu Hương Công ty Luật TNHH Hương Việt và Cộng sự, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thắng, sinh năm 1970.
Trú tại: Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền: Anh Đào Bá Sơn, sinh năm 1999, trú tại: Số 166 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, Thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:
- Luật sư Phạm Hồng Kiên, Công ty luật Cán Cân Việt

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:
Anh Nguyễn Thế Hưng, sinh năm 1982.
Trú tại: Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Bà Nguyễn Thị Mùi, sinh năm 1955.

Trú tại: Cụm 3, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị Thơm, sinh năm 1967.

Trú tại: Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1980.

Trú tại: P55 D6 khu tập thể Giảng Võ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

- Anh Nguyễn Thế Hưng, sinh năm 1982.
- Anh Nguyễn Thế Hùng, sinh năm 1985.
- Anh Nguyễn Thế Hải, sinh năm 1996.
- Anh Nguyễn Thế Nguyên, sinh năm 1999.

Cùng trú tại: Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyên là anh Đào Bá Sơn, sinh năm 1999, trú tại: Số 166 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, Thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023).

Do có kháng cáo của bà Đinh Thị Nhung là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Thắng là bị đơn; chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng, anh Nguyễn Thế Hải, anh Nguyễn Thế Nguyên là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Đinh Thị Nhung trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Thế Mão (chết năm 2012), ông Mão là con của cụ Phạm Thị Đào (chết năm 2020) và cụ Nguyễn Thế Mãn (chết năm 1981). Cụ Mãn và cụ Đào có 04 con chung là bà Nguyễn Thị Mùi, ông Nguyễn Thế Mão, ông Nguyễn Thế Thái (chết năm 2008) và bà Nguyễn Thị Thơm. Năm 1977 bà kết hôn với ông Mão, bà và ông Mão có 03 con chung là chị Nguyễn Thị Thu sinh năm 1980, anh Nguyễn Thế Hưng sinh năm 1982, anh Nguyễn Thế Hùng sinh năm 1985. Năm 1995 ông Nguyễn Thế Thái kết hôn với bà Nguyễn Thị Thắng, ông Thái và bà Thắng có hai con chung là anh Nguyễn Thế Hải sinh năm 1996 và anh Nguyễn Thế Nguyên sinh năm 1999.

Thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01, diện tích 593m^2 đất hiện bà Nguyễn Thị Thắng đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là do bà, ông Mão, cụ Mãn và cụ Đào mua của ông Lê Hữu Hoàn vào năm 1980 với số tiền mua là 4.800 đồng, khi mua vợ chồng bà góp 2.400 đồng và cụ Đào, cụ Mãn góp 2.400 đồng. Sau khi mua thửa đất ông Lê Hữu Hoàn viết *Đơn xin nhận thực nhượng lại chỗ ở Hoa màu* cho ông Nguyễn Thế Mão có chứng thực của UBND xã Hạ Mỗ ngày 25/11/1980, vợ chồng bà sinh sống trên thửa đất từ năm 1980 đến năm 1989, trong quá trình sinh sống vợ chồng bà mua nguyên vật liệu định xây lại ngôi nhà ở thì cụ Đào bảo vợ chồng bà về sinh sống trên thửa đất tổ tiên, còn thửa đất vợ chồng bà góp tiền mua chung cùng cụ Mãn, cụ Đào thì để cụ Đào và ông Thái ở, sau này sẽ trả bà ½ thửa đất. Sau khi ông Thái và cụ Đào ra ở đó, ông Thái lấy toàn bộ nguyên vật liệu của vợ chồng bà mua rồi xây ngôi nhà cấp 4 như hiện nay. Năm 1995 ông Thái cưới bà Thắng, vợ chồng ông Thái và cụ Đào sinh sống trên thửa đất, quá trình sử dụng vợ chồng ông Thái và cụ Đào xây thêm gian quán bán hàng. Năm 1987 Nhà nước chia đất nông nghiệp 10% cho hộ gia đình bà gồm 6 nhân khẩu ở hai thửa đất là thửa xứ đồng Trung Hiền và thửa đất vườn mua của ông Hoàn, mỗi nhân khẩu được chia 47m^2 đất, do thửa đất

bà Thắng đang quản lý mang tên ông Mão nên hàng năm bà đóng thuế đất, còn thửa đất bà đang quản lý sử dụng mang tên cụ Đào nên hàng năm cụ Đào đóng thuế đất. Năm 2011 vợ chồng bà đòi đất, UBND xã hòa giải không thành. Năm 2013 bà khởi kiện đòi đất được Tòa án thụ lý giải quyết, sau đó cụ Đào hòa giải để bà Thắng trả bà 1/3 thửa đất và bà đã rút đơn khởi kiện vào năm 2015, nhưng từ đó đến nay bà Thắng vẫn không trả đất cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Thắng trả bà phần đất nông nghiệp và ¼ thửa đất bà mua chung cùng cụ Mãn và cụ Đào; chia thừa kế ¼ đất của ông Mão và phần đất nông nghiệp của ông Mão. Ngoài thửa đất trên bà không yêu cầu gì.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thắng trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Thế Thái (chết năm 2008), ông Thái là con của cụ Phạm Thị Đào (chết năm 2020) và cụ Nguyễn Thế Mãn (chết năm 1981). Cụ Mãn và cụ Đào có 04 con chung là bà Nguyễn Thị Mùi, ông Nguyễn Thế Mão (chết năm 2012), ông Nguyễn Thế Thái và bà Nguyễn Thị Thơm. Bà Đinh Thị Nhung là vợ ông Nguyễn Thế Mão, bà Nhung và ông Mão có 3 con chung là chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng và anh Nguyễn Thế Hùng. Năm 1995 bà kết hôn với ông Nguyễn Thế Thái, bà và ông Thái có hai con chung là anh Nguyễn Thế Hải và anh Nguyễn Thế Nguyên.

Thửa đất bà đang quản lý sử dụng có số thửa 212, tờ bản đồ số 01, diện tích 593m^2 đất, trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông Thái xây, hai gian quán do cụ Phạm Thị Đào xây, sau khi ông Thái chết bà xây thêm 01 gian quán, mẹ con bà ở cùng cụ Đào trên thửa đất này. Năm 2020 cụ Đào ốm gần chết thì cụ về ở cùng bà Đinh Thị Nhung trên thửa đất tổ tiên. Còn thửa đất bà đang quản lý sử dụng có nguồn gốc như thế nào bà không biết. Nay bà Nhung khởi kiện đòi bà trả phần đất nông nghiệp và ¼ thửa đất bà Nhung mua chung cùng cụ Mãn và cụ Đào; chia thừa kế ¼ đất của ông Mão và phần đất nông nghiệp của ông Mão bà không đồng ý, vì trước khi cụ Đào chết cụ có lập biên bản họp gia đình cho mẹ con bà thửa đất mà bà đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mùi và bà Nguyễn Thị Thị Thơm trình bày:

Về huyết thống gia đình: Bà Nhung và bà Thắng trình bày là đúng. Các bà không bổ sung gì thêm.

Về di sản: Thửa đất bà Thắng đang quản lý sử dụng, nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ bà là cụ Mãn, cụ Đào và vợ chồng ông Mão, bà Nhung mua của ông Lê Hữu Hoàn năm 1980, diện tích khoảng 600m^2 đất, tiền mua đất do bố mẹ bà và bà Nhung mua, các bà không đóng góp gì. Năm 2013 bà Nhung cũng đã khởi kiện bà Thắng đòi đất nhưng sau đó cụ Đào hòa giải để bà Thắng trả bà Nhung 1/3 thửa đất là 200m^2, sau đó bà Nhung rút đơn khởi kiện nhưng hai bên không thực hiện được. Nay bà Nhung khởi kiện bà Thắng đòi đất và chia thừa kế tài sản thì các bà đề nghị bà Thắng trả cho bà Nhung 1/3 diện tích đất, nếu hai bên thỏa thuận được thì phần tài sản các bà được hưởng các bà không lấy, còn nếu hai bên không thỏa thuận được các bà đề nghị chia theo pháp luật, phần tài sản các bà được hưởng bao nhiêu thì trả các bà bấy nhiêu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Thế Hưng trình bày:

Về huyết thống gia đình: Bà Nhung và bà Thắng trình bày là đúng, anh Hưng không bổ sung gì thêm;

Về di sản: Thửa đất bà Nhung khởi kiện bà Thắng là của ông bà và bố mẹ anh mua của ông Lê Hữu Hoàn trong đó có đất nông nghiệp 10% cấp năm 1987 cấp cho anh. Sau khi mua thửa đất bố mẹ anh sinh sống trên thửa đất từ năm 1980 đến 1989, sau đó cụ Đào bảo bố mẹ anh về sinh sống trên thửa đất tổ tiên, còn ông Thái và cụ Đào sinh sống ở thửa đất mua của ông Hoàn. Nay bà Nhung khởi kiện đòi đất và chia thừa kế phần đất của ông Mão anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và anh yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án chia thừa kế phần tài sản của cụ Đào, anh là người thừa kế thế vị phần của ông Nguyễn Thế Mão, phần đất nông nghiệp của anh được hưởng và phần đất được thừa kế của ông Mão và thừa kế thế vị đất của cụ Đào anh tặng cho bà Nhung và đề nghị Tòa án nhập chung vào phần đất bà Nhung được hưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng và anh Nguyễn Thế Hùng trình bày:

Về huyết thống gia đình: Bà Nhung và bà Thắng trình bày là đúng, các anh, chị không bổ sung gì thêm;

Về di sản: Thửa đất bà Nhung khởi kiện bà Thắng là của ông bà và bố mẹ các anh, chị mua của ông Lê Hữu Hoàn trong đó có đất nông nghiệp10% cấp năm 1987 cho các anh, chị. Nay bà Nhung khởi kiện đòi đất và chia thừa kế phần đất của ông Mão, anh Hưng yêu cầu độc lập chia thừa kế thế vị phần tài sản của cụ Đào các anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phần tài sản các anh chị được hưởng các anh chị tặng cho bà Nhung.

Anh Nguyễn Thế Hải và anh Nguyễn Thế Nguyên trình bày:

Về huyết thống gia đình bà Mùi, bà Thơm và bà Thắng trình bày là đúng, các anh không bổ sung gì thêm.

Về di sản: Thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01 ở cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà nội do bà Thắng và các anh đang quản lý sử dụng nguồn gốc là của ông, bà nội để lại cho bố mẹ các anh, từ khi các anh lớn lên ở cùng bà nội và bố mẹ trên thửa đất, còn bà Nhung ở trên thửa đất tổ tiên của gia đình. Nay bà Nhung khởi kiện đòi quyền sử dụng đất và chia thừa kế phần đất của ông Mão, anh Hưng yêu cầu độc lập phần tài sản của cụ Đào các anh là người có quyền lợi liên quan thừa kế thế vị phần tài sản của cụ Đào, các anh đề nghị Tòa án giải quyết chia theo pháp luật, phần đất các anh được hưởng nhập chung phần tài sản của bà Thắng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị Nhung đối với bà Nguyễn Thị Thắng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Nhung về việc chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Thế Mão.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thế Hưng về chia thừa kế (thế vị) của cụ Phạm Thị Đào.

Xác định thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01, diện tích 641m^2 đất (đất ở 360m^2, đất vườn 177m^2, hố đào 104m^2). Theo Vlap thửa đất số 67, tờ bản đồ số 04, diện tích 626m^2, theo hiện trạng thửa đất có diện tích 617,2m^2 ở Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện

Đan Phượng, thành phố Hà Nội là tài sản của cụ Nguyễn Thế Mãn, cụ Phạm Thị Đào, ông Nguyễn Thế Mão và bà Đinh Thị Nhung.

Trích một phần công sức trông nom tu tạo cho bà Thắng là 60m^2 đất (30m^2 đất thổ cư và 30m^2 đất nông nghiệp) trị giá là 840.000.000 đồng

Xác định đất nông nghiệp của bà Nhung, ông Mão, bà Thơm, chị Thu, anh Hưng, anh Hùng là 108m^2 đất, mỗi nhân khẩu được cấp là 108: 6= 18m^2 đất. Như vậy diện tích đất thổ cư và đất nông nghiệp còn lại là: Đất thổ cư (360m^2 - 30m^2) + Đất nông nghiệp (257,2m^2 đất - 138m^2 đất) = 330m2 đất thổ cư + 119,2m^2 đất nông nghiệp. Diện tích đất còn lại là 449,2m^2 đất (330m^2 đất thổ cư và 119,2m^2 đất nông nghiệp trị giá là 8.186.000.000 đồng.

Xác định tài sản của ông Mão, bà Nhung là 8.186.000.000 đồng: 2 = 4.093.000.000 đồng, tài sản còn lại cụ Mãn, cụ Đào là 4.093.000.000 đồng, tương ứng diện tích 224,6 đất (đất thổ cư là 165m^2 đất nông nghiệp là 59,6 m^2). Như vậy tài sản của cụ Mãn, cụ Đào mỗi người được hưởng là 224,6m^2: 2 = 82,5m^2 đất thổ cư + 59,6m^2: 2 = 29,8m^2 đất nông nghiệp, tổng cộng là 112,3m^2. Tài sản của bà Nhung và ông Mão mỗi người được hưởng là 224,6m^2: 2 = 82,5m^2 đất thổ cư + 59,6m^2 : 2 = 29,8m^2 đất nông nghiệp + 18m^2 đất nông nghiệp 10% được chia năm 1987, tổng cộng là 130,3m^2.

Xác định thời điểm mở thừa kế là cụ Mãn chết năm 1981 hết thời hiệu chia thừa kế nên giao tài sản của cụ Mãn cho bà Thắng là 112,3m^2 đất (82,5m^2 đất thổ cư và 29,8m^2 đất nông nghiệp).

Mở thừa kế năm 2012: Ông Nguyễn Thế Mão chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 5 kỷ phần là: Cụ Phạm Thị Đào, bà Đinh Nhung, chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng. Mỗi kỷ phần được hưởng là 130,3m^2 đất: 5 = 26,06m^2 (16,5m^2 đất thổ cư + 9,56m^2 đất nông nghiệp) tương ứng số tiền là 379.500.000 đồng + 47.800.000 đồng = 427.300.000 đồng

Mở thừa kế năm 2020: Cụ Phạm Thị Đào chết không để lại di chúc nên bà Mùi, bà Thơm, (chị Thu, anh Hưng, anh Hùng) được hưởng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thế Mão, (anh Hải và anh Nguyên) được hưởng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thế Thái. Mỗi kỷ phần được chia là 138,36m^2: 4 = 34,59m^2 (24,75m^2 đất thổ cư + 9,84m^2 đất nông nghiệp) tương ứng số tiền là 569.250.000 đồng + 49.200.000 đồng = 618.450.000 đồng.

Xác định tài sản bà Mùi được hưởng là 34,59m^2 (24,75m^2 đất thổ cư + 9,84m^2 đất nông nghiệp) tương ứng số tiền là 618.450.000 đồng.

Xác định tài sản bà Thơm được hưởng là 34,59m^2 (24,75m^2 đất thổ cư + 9,84m^2 đất nông nghiệp) + 18m^2 đất nông nghiệp 10% được hưởng năm 1987, tổng cộng là 52,59m^2 tương ứng số tiền là 708.450.000 đồng.

Giao phần đất của bà Mùi, bà Thơm được hưởng cho bà Thắng sử dụng, bà Thắng có trách nhiệm thanh toán giá trị đất cho bà Mùi là 618.450.000 đồng và thanh toán giá trị đất cho bà Thơm là 708.450.000 đồng.

Bà Nhung được sử dụng diện tích đất của bà Nhung, thừa kế tài sản của ông Mão, được anh Hưng, anh Hùng, chị Thu tặng cho bà Nhung, tổng diện tích đất bà Nhung được hưởng là 323,13m^2 đất (173,25m^2 đất thổ cư + 149,88m^2 đất nông nghiệp).

Bà Thắng được hưởng công sức trông nom quản lý thửa đất, được hưởng tài sản hết thời hiệu của cụ Mãn, được anh Hải, anh Nguyên tặng cho bà Thắng, tổng diện tích đất bà Thắng được hưởng là 294,07m^2 (186,75m^2 đất thổ cư + 107,32m^2).

Giao cho bà Nhung được sử dụng là 200m^2 đất (173,25m^2 đất thổ cư và 26,75 m^2 đất nông nghiệp 10%), thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01 (Theo Vlap thửa đất số 67, tờ bản đồ số 04) ở Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, trên phần đất bà Nhung được hưởng có ngôi nhà cấp 4 diện tích 65m^2, 01 ki ốt bán hàng diện tích 37m^2, 01 bể nước 10m^3, 01 bếp 12,6m^2, khu tạm mái lợp ploximang đòn tay tre, các tài sản trên đã hết khấu hao sử dụng, 01 cây gáo trị giá 180.000 đồng, 01 cây na trị giá 160.000 đồng, tổng số tiền 340.000 đồng.

Giao cho bà Thắng sử dụng diện tích còn lại là 417,2m^2 đất (186,75 đất thổ cư + 230,45m^2 đất nông nghiệp (đất nông nghiệp 10% là 81,25m^2 + đất vườn 149,2m^2) thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01 (Theo Vlap thửa đất số 67, tờ bản đồ số 04) ở Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, trên phần đất có Kiot bán hàng, Nhà cấp 4 (cạnh kiot bán hàng góc đường), Bể nước gồm các bể chứa, bể lắng, bể lọc (chỗ Kiot bán hàng); 07 cây bưởi đường kính 5cm – 10 cm; 02 cây nhãn đường kính 10cm; 02 cây hồng xiêm đường kính 20cm; 01 cây trứng gà đường kính 10cm; 01 cây mít đường kính 10cm.

Bà Thắng có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch với diện tích đất được sử dụng cho bà Nhung là 123,13m^2 đất nông nghiệp tương ứng số tiền là 615.650.000 đồng được đối trừ vào số tiền 340.000 đồng là giá trị của cây gáo và cây na, số tiền còn lại bà Thắng phải thanh toán cho bà Nhung là 615.310.000 đồng.

(Về diện tích đất của bà Nhung, bà Thắng được sử dụng có sơ đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị Nhung; bị đơn bà Nguyễn Thị Thắng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng, anh Nguyễn Thế Hải, anh Nguyễn Thế Nguyên kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng giảm phần công sức trích cho bà Thắng và cho nguyên đơn được nhận toàn bộ quyền lợi bằng hiện vật do bà Thắng không có khả năng tài chính để thanh toán tiền cho nguyên đơn. Nguyên đơn xin rút yêu cầu kháng cáo đối với việc phân chia đất nông nghiệp Nhà nước giao cho chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng và án phí bà Nhung phải chịu.

Bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thắng, anh Hải, anh Nguyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Thế Hưng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hùng thống nhất với ý kiến của bà Nhung.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mùi, bà Nguyễn Thị Thơm, anh Nguyễn Thế Hải vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX công bố lời khai của các đương sự vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế Nguyên và người đại diện thống nhất với ý kiến của bà Thắng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nhung và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hưng, chị Thu, anh Hùng. Cho nguyên đơn được nhận quyền lợi bằng hiện vật do bị đơn không có điều kiện thanh toán giá trị cho nguyên đơn và diện tích đất đủ điều kiện để chia bằng hiện vật.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Thắng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyên.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với việc phân chia đất nông nghiệp cho chị Thu, anh Hưng, anh Hùng và án phí bà Nhung phải chịu.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hải do được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Bổ sung quan hệ pháp luật tranh chấp là chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Nhung; Bị đơn bà Nguyễn Thị Thắng; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng, anh Nguyễn Thế Hải, anh Nguyễn Thế Nguyên nộp trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế Hải được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên được coi là từ bỏ kháng cáo. HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Hải theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 BLTTDS.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu phân chia diện tích đất nông nghiệp Nhà nước giao cho chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng và án phí bà Nhung phải chịu.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hải.

Về nội dung:

Qua điều tra xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của các đương sự thì có việc ông Lê Hữu Hoàn chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thế Mão thửa đất trên, có chứng thực của UBND xã Hạ Mỗ. Năm 2011 từ khi ông Mão còn sống ông Mão và bà Nhung cũng có đơn đòi đất gửi UBND xã Hạ Mỗ giải quyết nhưng không thành. Năm 2013 sau khi ông Mão chết, bà Nhung khởi kiện bà Thắng tại Tòa án đòi quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều khai thửa đất bà Nhung khởi kiện bà Thắng là tài sản chung của bà Nhung, ông Mão, cụ Mãn và cụ Đào mua của ông Lê Hữu Hoàn năm 1980, khi cụ Đào còn sống cụ cũng đã hòa giải để bà Thắng trả bà Nhung 1/3 thửa đất là 200m^2, bà Nhung rút đơn khởi kiện đối với bà Thắng nhưng các bên không thực hiện được.

Qua xem xét bản gốc *Đơn xin nhận thực nhượng lại chỗ ở, Hoa mầu* do nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy, tên người mua ghi rõ là ông Nguyễn Thế Mão không có việc tẩy xóa và có xác nhận của UBND xã Hạ Mỗ. Do đó không cần thiết phải giám định chữ viết theo yêu cầu của bị đơn.

Bị đơn bà Thắng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hải, anh Nguyên kháng cáo cho rằng toàn bộ diện tích đất thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01 là dia sản của cụ Mãn cụ Đào, không có việc ông Mão mua chung đất với cụ Mãn, cụ Đào nhưng không xuất trình được chứng cứ.

Như vậy có căn cứ xác định thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01, diện tích 641m^2 đất (trong đó đất ở 360m^2, đất vườn 177m^2 và hố đào 104m^2 đất) chủ sử dụng Nguyễn Thế Mão là tài sản chung của bà Nhung, ông Mão, cụ Mãn và cụ Đào. Năm 1987 Nhà nước chia lại đất nông nghiệp10% diện tích 282m^2 đất cấp ở 02 xứ đồng là đất vườn 108m^2 đất và xứ đồng Trung Hiền 174m^2 đất cho 06 nhân khẩu, mỗi nhân khẩu được cấp là 47m^2 đất, các nhân khẩu được cấp đất gồm: Ông Mão, bà Nhung, bà Thơm, chị Thu, anh Hưng, anh Hùng nên bà Nhung khởi kiện bà Thắng yêu cầu bà Thắng trả đất nông nghiệp, đòi ¼ diện tích đất bà Nhung, ông Mão mua chung cùng cụ Đào, cụ Mãn và chia thừa kế đất nông nghiệp, đất thổ cư của ông Nguyễn Thế Mão ở thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01, theo Vlap thửa 67, tờ bản đồ số 04 là có căn cứ; đối với diện tích đất nông nghiệp ở xứ đồng Trung Hiền diện tích 174m^2 đất các đương sự không yêu cầu chia nên không xem xét. Do bà Nhung có yêu cầu phân chia diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao nên bản án sơ thẩm phân chia diện tích đất nông nghiệp cho các nhân khẩu được giao là đúng quy định.

Đối với Biên bản họp gia đình do bà Thắng cung cấp lập ngày 31/01/2009, bà Thắng cho rằng cụ Đào cho vợ chồng bà thửa đất, nhưng thửa đất là tài sản chung của bà Nhung, ông Mão, cụ Đào và cụ Mãn. Cụ Mãn chết năm 1981, trong biên bản họp không có mặt ông Mão, bà Nhung cũng như người lập biên bản không ký vào biên bản họp, hơn nữa năm 2015 vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết chính cụ Đào là người hòa giải để bà Thắng trả đất cho bà Nhung nên bà Nhung mới rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Thắng. Do vậy yêu cầu của bà Thắng không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thế Mãn chết năm 1981, cụ Phạm Thị Đào chết năm 2020, ông Nguyễn Thế Mão chết năm 2012 và ông Nguyễn Thế Thái chết năm 2008, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thế Mãn đã hết thời hiệu nên di sản của cụ Mãn được giao cho bà Thắng, anh Hải và anh Nguyên là người đang quản lý thửa đất.

Ông Nguyễn Thế Mão chết năm 2012 xác định thời điểm mở thừa kế là năm 2012.

Cụ Phạm Thị Đào chết năm 2020 xác định thời điểm mở thừa kế là năm 2020.

Thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Đào, ông Mão vẫn còn nên được giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo kết quả điều tra tại UBND xã Hạ Mỗ: Tại sổ mục kê và bản đồ năm 1987 thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01, diện tích 641m^2 đất (trong đó đất ở 360m^2, đất vườn 177m^2 và hố đào 104m^2 đất) chủ sử dụng Nguyễn Thế Mão. Theo VLAP năm 2014, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 04, diện tích 626,5m^2 đất. Theo biên bản thẩm định ngày 28/12/2021 thửa đất có diện tích 617,2m^2 đất. Diện tích tăng giảm qua các thời kỳ là do sai số đo đạc, các hộ xung quanh sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Như vậy xác định thửa đất trên có diện tích 617,2m^2 đất (trong đó đất thổ cư 360m^2 đất, đất nông nghiệp 257,2m^2). Theo biên bản định giá tài sản lập ngày 28/12/2021 thì giá đất thổ cư là 23.000.000 đồng/m^2 đất, giá đất nông nghiệp là 5.000.000 đồng/m^2.

Bản án sơ thẩm trích một phần công sức trông nom tu tạo cho bà Thắng từ năm 1995 đến năm 2022 là 60m^2 đất (30m^2 đất thổ cư và 30m^2 đất nông nghiệp) tương ứng với số tiền là 840.000.000 đồng là phù hợp. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với nội dung này.

Xác định đất nông nghiệp của bà Nhung, ông Mão, bà Thơm, chị Thu, anh Hưng, anh Hùng là 108m^2 đất, mỗi nhân khẩu được cấp là 108m^2: 6= 18m^2 đất.

Diện tích đất thổ cư và đất nông nghiệp còn lại là: 449,2m^2 đất (330m^2 đất thổ cư và 119,2m^2 đất nông nghiệp. Giá trị đất thổ cư (330m^2 x 23.000.000 đồng/m^2) + đất nông nghiệp (119,2m^2 x 5.000.000 đồng/m^2) = 7.590.000.000 đồng + 596.000.000 đồng = 8.186.000.000 đồng.

Xác định tài sản của ông Mão, bà Nhung mua chung với cụ Mãn, cụ Đào là 8.186.000.000 đồng: 2 = 4.093.000.000 đồng, tài sản còn lại cụ Mãn, cụ Đào là 4.093.000.000 đồng. Tương ứng diện tích 224,6m^2 đất (đất thổ cư là 165m^2 đất nông nghiệp là 59,6 m^2).

Như vậy tài sản của cụ Mãn, cụ Đào mỗi cụ được hưởng là 224,6 m^2: 2 = 82,5 m^2 đất thổ cư + 59,6 m^2: 2 = 29,8 m^2 đất nông nghiệp, tổng cộng là 112,3 m^2. Tài sản của bà Nhung và ông Mão mỗi người được hưởng là 224,6 m^2: 2 = 82,5 m^2 đất thổ cư + 59,6 m^2: 2 = 29,8 m^2 đất nông nghiệp + 18 m^2 đất nông nghiệp 10% được chia năm 1987, tổng cộng là 130,3 m^2.

Cụ Mãn chết năm 1981 hết thời hiệu chia thừa kế nên giao tài sản của cụ Mãn cho bà Thắng, anh Hải và anh Nguyên là 112,3m^2 đất (82,5m^2 đất thổ cư và 29,8m^2 đất nông nghiệp).

Mở thừa kế năm 2012: Ông Nguyễn Thế Mão chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 5 kỷ phần là: Cụ Phạm Thị Đào, bà Đinh Thị Nhung, chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng. Mỗi kỷ phần được hưởng là 130,3m^2: 5 = 26,06m^2 (16,5m^2 đất thổ cư + 9,56m^2 đất nông nghiệp) tương ứng số tiền là 379.500.000 đồng + 47.800.000 đồng = 427.300.000 đồng.

Anh Nguyễn Thế Hưng yêu cầu độc lập chia thừa kế đất của cụ Phạm Thị Đào. Do ông Nguyễn Thế Mão chết trước cụ Đào nên yêu cầu độc lập chia thừa kế (thế vị) đất của anh Nguyễn Thế Hưng là có căn cứ nên chấp nhận.

Mở thừa kế năm 2020: Cụ Phạm Thị Đào chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 4 kỷ phần là: Bà Mùi, bà Thơm, ông Mão (ông Mão chết trước cụ Đào nên chị Thu, anh Hưng, anh Hùng thừa kế thế vị phần của ông Mão), ông Thái (ông Thái chết trước cụ Đào nên anh Hải và anh Nguyên thừa kế thế vị phần của ông Thái).

Xác định di sản của cụ Đào là 112,3m^2 đất (82,5m^2 đất thổ cư và 29,8m^2 đất nông nghiệp) + 26,06m^2 đất được hưởng thừa kế của ông Mão (16,5m^2 đất thổ cư + 9,56m^2 đất nông nghiệp) = 138,36m^2 (99m^2 đất thổ cư + 39,36m^2 đất nông nghiệp). Như vậy mỗi kỷ phần được chia là 138,36m^2: 4 = 34,59m^2 (24,75m^2 đất thổ cư + 9,84m^2 đất nông nghiệp) tương ứng số tiền là 569.250.000 đồng + 49.200.000 đồng = 618.450.000 đồng.

Xác định tài sản bà Mùi được hưởng là 34,59m^2 (24,75m^2 đất thổ cư + 9,84m^2 đất nông nghiệp) tương ứng số tiền là 618.450.000 đồng,

Xác định tài sản bà Thơm được hưởng là 34,59m^2 (24,75m^2 đất thổ cư + 9,84m^2 đất nông nghiệp) + 18m^2 đất nông nghiệp 10% được chia năm 1987. Tổng cộng là 52,59m^2 tương ứng số tiền là 708.450.000 đồng.

Do diện tích đất sử dụng của bà Mùi, bà Thơm không lớn, các bà đã có nơi ở ổn định nên giao phần đất các bà được hưởng cho bà Thắng sử dụng, bà Thắng thanh toán số tiền tương ứng với số đất được hưởng cho bà Mùi là 618.450.000 đồng và bà Thơm là 708.450.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Thu, anh Hùng, anh Hưng đề nghị tặng phần tài sản được hưởng cho bà Nhung quản lý sử dụng. Anh Hải, anh Nguyên đề nghị giao tài sản được hưởng cho bà Thắng quản lý sử dụng.

Như vậy diện tích bà Nhung được sử dụng là: 130,3m^2 + 18m^2 x 3 + 26,06m ^{2} x 4 + 34,59m^2 = 323,13m^2 đất (173,25m^2 đất thổ cư + 149,88m^2 đất nông nghiệp).

Diện tích bà Thắng được sử dụng là 60m^2 đất + 112,3m^2 đất + 34,59m^2 x 3 + 18 m^2 đất = 294,07m^2 (186,75 m^2 đất thổ cư + 107,32m^2).

Bản án sơ thẩm giao cho bà Thắng sử dụng phần diện tích lớn hơn bà Nhung cụ thể giao cho bà Nhung được sử dụng là 200m^2 đất (trong đó 173,25m^2 đất thổ cư và 26,75m^2 đất nông nghiệp10%). Bà Thắng sử dụng diện tích đất là 417,2m^2 đất, trong đó 186,75m^2 đất thổ cư + 230,45m^2 đất nông nghiệp (đất nông nghiệp 10% là 81,25m^2, đất vườn 149,2m^2. Bà Thắng còn phải thanh toán số tiền chênh lệch với diện tích được sử dụng cho bà Nhung là 123,13m^2 đất nông nghiệp x 5.000.000 đồng/m^2 = 615.650.000 đồng. Bà Nhung kháng cáo đề nghị được nhận toàn bộ quyền lợi bằng hiện vật.

Nhận thấy, tại phiên tòa bà Thắng trình bày không có điều kiện kinh tế để thanh toán cho bà Nhung và diện tích đất tranh chấp đủ điều kiện để chia bằng hiện vật nên chấp nhận kháng cáo của bà Nhung, sửa bản án sơ thẩm. Giao bà Nhung được sử dụng 323,13m^2 đất (173,25m^2 đất thổ cư + 149,88m^2 đất nông nghiệp).

Trên thửa đất có một ki ốt bán hàng do bà Nhung, ông Mão xây có diện tích 45m^2 đất, 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 65m^2 do cụ Đào và ông Thái xây bằng nguyên vật liệu của bà Nhung ông Mão mua, 01 nhà cấp 4 có diện tích 35m^2, 01 bể nước (bể lắng, lọc) 12m^3, 01 bể nước cạnh bếp 10m^3; 01 bếp 12m^2, tường bao 65m^2, khu tạm mái lợp Ploximang do cụ Đào và bà Thắng xây tất cả đều đã hết khấu hao sử dụng, các tài sản khác gồm: 07 cây bưởi đường kính từ 5cm -10cm trị giá 1.120.000 đồng, 02 cây nhãn đường kính 10cm trị giá 800.000 đồng, 02 cây hồng xiêm đường kính

20cm trị giá 1.140.000 đồng, 01 cây trứng gà đường kính 10cm trị giá 140.000 đồng, 01 cây na đường kính 10cm trị giá 160.000 đồng, 01 cây gáo đường kính 30cm trị giá 180.000 đồng, 01 cây mít đường kính 10cm trị giá 400.000 đồng.

Giao bà Nhung sử dụng diện tích 323,13m^2 đất với các tứ cận theo sơ đồ kèm theo bản án. Trên phần đất bà Nhung được hưởng có ngôi nhà cấp 4 diện tích 65m^2, 01 ki ốt bán hàng diện tích 37m^2, 01 bể nước 10m^3, 01 bếp 12,6m^2, khu tạm mái lợp ploximang đòn tay tre, các tài sản trên đã hết khấu hao sử dụng có giá trị là 0 đồng. Bà Thắng phải di dời cây cối trên diện tích đất giao bà Nhung sử dụng.

Giao bà Thắng được sử dụng diện tích còn lại là 294,07m^2 đất với các tứ cận theo sơ đồ kèm theo bản án. Trên phần đất bà Thắng sử dụng có các tài sản sau: Kiot bán hàng, nhà cấp 4 (cạnh kiot bán hàng góc đường), bể nước (bể lắng, lọc) và cây cối do bà Thắng trồng.

Ngày 19/9/2022 bà Nhung yêu cầu trích công sức chi phí mai táng của cụ Phạm Thị Đào và chi phí mai táng của ông Nguyễn Thế Mão. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nhung rút yêu cầu trích công sức chi phí mai táng của cụ Phạm Thị Đào và chi phí mai táng của ông Nguyễn Thế Mão nên không xem xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của HĐXX.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nhung, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hưng, chị Thu, anh Hùng.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Thắng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyên.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng, bà Nguyễn Thị Thắng, anh Nguyễn Thế Nguyên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại dự phí kháng cáo đã nộp.

Anh Nguyễn Thế Hải phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mùi, bà Nhung là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Do chị Thu, anh Hưng, anh Hùng giao phần tài sản được hưởng cho bà Nhung sử dụng nên bà Nhung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tài sản được hưởng là 63.276.000 đồng + 28.738.000 đồng = 92.014.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Hưng đã nộp là 5.000.000 đồng.

Bà Thắng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản thừa kế được hưởng của anh Hải, anh Nguyên là 28.738.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu đòi đất của Nhung, tổng án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là 29.038.000 đồng.

Bà Thơm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản thừa kế được hưởng là 28.738.000 đồng

Vì các lẽ trên, áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm số số 25/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 166; 609, 611, 612 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị Nhung đối với bà Nguyễn Thị Thắng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Nhung về việc chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Thế Mão.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thế Hưng về chia thừa kế (thế vị) của cụ Phạm Thị Đào.

Xác định thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01, diện tích 641m^2 đất (đất ở 360m^2, đất vườn 177m^2, hố đào 104m^2). Theo Vlap thửa đất số 67, tờ bản đồ số 04, diện tích 626m^2, theo hiện trạng thửa đất có diện tích 617,2m^2 ở Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội là tài sản chung của cụ Nguyễn Thế Mãn, cụ Phạm Thị Đào, ông Nguyễn Thế Mão và bà Đinh Thị Nhung.

Trích công sức trông nom tu tạo cho bà Thắng là 60m^2 đất (30m^2 đất thổ cư và 30m^2 đất nông nghiệp) trị giá là 840.000.000 đồng.

Xác định đất nông nghiệp của bà Nhung, ông Mão, bà Thơm, chị Thu, anh Hưng, anh Hùng là 108m^2 đất, mỗi nhân khẩu được cấp là 108: 6= 18m^2 đất.

Diện tích đất thổ cư và đất nông nghiệp còn lại là: Đất thổ cư (360m^2 - 30m^2) + đất nông nghiệp (257,2m^2 đất - 138m^2 đất) = 330m^2 đất thổ cư + 119,2m^2 đất nông nghiệp. Diện tích đất còn lại là 449,2m^2 đất (330m^2 đất thổ cư và 119,2m^2 đất nông nghiệp trị giá là 8.186.000.000 đồng.

Xác định tài sản chung của ông Mão, bà Nhung là 8.186.000.000 đồng: 2 = 4.093.000.000 đồng, tài sản còn lại cụ Mãn, cụ Đào là 4.093.000.000 đồng, tương ứng diện tích 224,6 đất (đất thổ cư là 165m^2 đất nông nghiệp là 59,6 m^2).

Tài sản của cụ Mãn, cụ Đào mỗi người được hưởng là 224,6m^2: 2 = 82,5m^2 đất thổ cư + 59,6m^2: 2 = 29,8m^2 đất nông nghiệp, tổng cộng là 112,3m^2.

Tài sản của bà Nhung và ông Mão mỗi người được hưởng là 224,6m^2: 2 = 82,5m^2 đất thổ cư + 59,6m^2: 2 = 29,8m^2 đất nông nghiệp + 18m^2 đất nông nghiệp 10% được chia năm 1987, tổng cộng là 130,3m^2.

Xác định thời điểm mở thừa kế là cụ Mãn chết năm 1981 hết thời hiệu chia thừa kế nên giao tài sản của cụ Mãn cho bà Thắng là 112,3m^2 đất (82,5m^2 đất thổ cư và 29,8m^2 đất nông nghiệp).

Mở thừa kế năm 2012: Ông Nguyễn Thế Mão chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 5 kỷ phần là: Cụ Phạm Thị Đào, bà Đinh Nhung, chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng. Mỗi kỷ phần được hưởng là 130,3m^2: 5 = 26,06m^2 (16,5m^2 đất thổ cư + 9,56m^2 đất nông nghiệp) tương ứng số tiền là 379.500.000 đồng + 47.800.000 đồng = 427.300.000 đồng

Mở thừa kế năm 2020: Cụ Phạm Thị Đào chết không để lại di chúc nên bà Mùi, bà Thơm, (chị Thu, anh Hưng, anh Hùng) được hưởng thừa kế thế vị của ông

Nguyễn Thế Mão, (anh Hải và anh Nguyên) được hưởng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thế Thái. Mỗi kỷ phần được chia là 138,36m^2: 4 = 34,59m^2 (24,75m^2 đất thổ cư + 9,84m^2 đất nông nghiệp) tương ứng số tiền là 569.250.000 đồng + 49.200.000 đồng = 618.450.000 đồng.

Xác định tài sản bà Mùi được hưởng là 34,59m^2 (24,75m^2 đất thổ cư + 9,84m^2 đất nông nghiệp) tương ứng số tiền là 618.450.000 đồng.

Xác định tài sản bà Thơm được hưởng là 34,59m^2 (24,75m^2 đất thổ cư + 9,84m^2 đất nông nghiệp) + 18m^2 đất nông nghiệp 10% được hưởng năm 1987, tổng cộng là 52,59m^2 tương ứng số tiền là 708.450.000 đồng.

Giao phần đất của bà Mùi, bà Thơm được hưởng cho bà Thắng sử dụng, bà Thắng có trách nhiệm thanh toán giá trị đất cho bà Mùi là 618.450.000 đồng và thanh toán giá trị đất cho bà Thơm là 708.450.000 đồng.

Bà Nhung được sử dụng diện tích đất của bà Nhung, thừa kế tài sản của ông Mão, được anh Hưng, anh Hùng, chị Thu tặng cho bà Nhung, tổng diện tích đất bà Nhung được hưởng là 323,13m^2 đất (173,25m^2 đất thổ cư + 149,88m^2 đất nông nghiệp).

Bà Thắng được hưởng công sức trông nom quản lý thửa đất, được hưởng tài sản hết thời hiệu của cụ Mãn, được anh Hải, anh Nguyên tặng cho bà Thắng, tổng diện tích đất bà Thắng được hưởng là 294,07m^2 (186,75m^2 đất thổ cư + 107,32m^2).

Giao bà Đinh Thị Nhung được sở hữu, sử dụng là 323,13m^2 đất (173,25m^2 đất thổ cư + 149,88m^2 đất nông nghiệp), thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01 (Theo Vlap thửa đất số 67, tờ bản đồ số 04) ở Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội và các tài sản trên đất gồm: Ngôi nhà cấp 4 diện tích 65m^2, 01 ki ốt bán hàng diện tích 37m^2, 01 bể nước 10m^3, 01 bếp 12,6m^2, khu tạm mái lợp ploximang đòn tay tre, các tài sản trên đã hết khấu hao sử dụng. Bà Thắng phải di dời cây cối trên diện tích đất giao bà Nhung sử dụng. (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Giao cho bà Nguyễn Thị Thắng được sở hữu, sử dụng diện tích 294,07m^2 (186,75 m^2 đất thổ cư + 107,32m^2 đất nông nghiệp), thửa đất số 212, tờ bản đồ số 01 (Theo Vlap thửa đất số 67, tờ bản đồ số 04) ở Cụm 1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội và các tài sản trên đất gồm: Kiot bán hàng, nhà cấp 4 (cạnh kiot bán hàng góc đường), bể nước gồm các bể chứa, bể lắng, bể lọc (chỗ Kiot bán hàng) và cây cối do bà Thắng trồng. (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở theo quy định.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu phân chia diện tích đất nông nghiệp Nhà nước giao cho chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng và án phí bà Nhung phải chịu.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế Hải.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Thế Hưng, anh Nguyễn Thế Hùng, bà Nguyễn Thị Thắng, anh Nguyễn Thế Nguyên được nhận lại dự phí kháng cáo đã

nộp tại các Biên lai thu số 0002901; 0002902; 0002903 ngày 07/10/2022; Biên lai thu số 0002937; 0002939 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Thế Hải phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ vào Biên lai thu dự phí kháng cáo số 0002938 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nhung, bà Mùi được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nhung phải chịu án phí dân sự được hưởng tài sản của chị Thu, anh Hưng, anh Hùng là 92.014.000 đồng đối trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Hưng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002808 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Bà Nhung còn phải chịu án phí dân sự là 87.014.000 đồng.

Bà Thắng phải chịu án phí 300.000 đồng đối với yêu cầu đòi đất của bà Nhung được chấp nhận và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản thừa kế được hưởng của anh Hải, anh Nguyên là 28.738.000 đồng. Tổng cộng là 29.038.000 đồng.

Bà Thơm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản thừa kế được hưởng là 28.738.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Đan Phượng;
-Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh